

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM04001. THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
(PROFESSIONAL INTERNSHIP IN LAND MANAGEMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: 12 (**Lý thuyết: 0 – Thực hành: 12 – Tự học: 36**)
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 5 tiết (tập huấn, hướng dẫn xây dựng đề cương)
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 0 tiết
 - + Thực hành/thực tập tại địa phương: 175 tiết
 - Giờ tự học: 540 tiết
 - Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Hệ thống thông tin TNMT, Quản lý đất đai, Quy hoạch đất đai, Trắc địa bản đồ.
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
 - Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	
Kiến thức chuyên môn	
CDR2: Phân tích công tác quản lý và sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội;	2.1. Phân tích công tác quản lý đất đai theo luật đất đai để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội 2.2. Phân tích công tác sử dụng đất phục vụ mục

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
	tiêu phát triển kinh tế xã hội.
Kỹ năng chung	
CDR4: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong ngành Quản lý đất đai một cách có hiệu quả;	4.1. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề về nghiên cứu trong ngành Quản lý đất đai
CDR5: Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.	5.1. Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai. 5.2. Sử dụng các kỹ năng giao tiếp trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai. 5.3. Sử dụng các kỹ năng lãnh đạo trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.
Kỹ năng chuyên môn	
CDR7: Sử dụng các nghiệp vụ, công nghệ tiên tiến để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai.	7.1. Sử dụng công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR8 : Làm việc độc lập, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.	8.1. Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. 8.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành Quản lý đất đai. 8.3. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc ngành Quản lý đất đai.
CDR9: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.	9.1. Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp 9.2. Thể hiện ý thức học tập suốt đời.

*** Mục tiêu:**

- **Về kiến thức:** Giúp sinh viên nắm vững và vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các công việc cụ thể ở địa phương, doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai như: đo đạc lập bản đồ địa chính; xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; Thống kê, kiểm kê đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất...

- **Về kỹ năng:**

Sử dụng các phần mềm chuyên ngành, thiết bị trong đo đạc, chỉnh lý bản đồ và kỹ năng đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; thống kê, kiểm kê đất đai,

xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các nghiệp vụ khác thuộc ngành quản lý đất đai.

- Về các mục tiêu khác (thái độ học tập): Làm việc độc lập, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai. Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời;

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT											
		2.1	2.2	4.1	5.1	5.2	5.3	7.1	8.1	8.2	8.3	9.1	9.2
TM04001	Thực tập nghề nghiệp ngành QLĐĐ	M	M	M	M	R	M	M	M	M	M	M	M

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
K1	Phân tích công tác quản lý nhà nước về đất đai theo nội dung thực tập.	CB 2.1
K2	Phân tích công tác sử dụng đất của địa phương/địa bàn nghiên cứu.	CB 2.2
<i>Kỹ năng</i>		
K3	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề về nghiên cứu theo nội dung thực tập.	CB 4.1
K4	Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn thực tập.	CB 5.1
K5	Sử dụng các kỹ năng giao tiếp trong hoạt động chuyên môn thực tập.	CB 5.2
K6	Sử dụng công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thực tập.	CB 7.1
K7	Sử dụng kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin phục vụ việc giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực thực tập;	CB 7.2
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>		
K8	Làm việc độc lập tại cơ sở thực tập, tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn.	CB 8.1
K9	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong thời gian thực tập.	CB 8.2
K10	Dưa ra kết luận chuyên môn liên quan đến nội dung thực tập	CB 8.3
K11	Có lòng đam mê nghề nghiệp, trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng đất.	CB 9.1
K12	Chủ động học tập và nghiên cứu, hoàn thiện kiến thức chuyên môn.	CB 9.2

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM04001. Thực tập nghề nghiệp ngành Quản lý đất đai (Professional internship in land management) (12TC: 0 – 12 – 36):

Mô tả văn bản nội dung: Thực hiện một số nội dung Quản lý nhà nước về đất đai theo Luật đất đai tại địa phương, doanh nghiệp như: Đo đạc thành lập bản đồ địa chính; Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, Đánh giá thực hiện xây dựng nông thôn mới; Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới. Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, thanh tra, khiếu nại, tố cáo đất đai; Công tác tài chính về đất đai... *Học phần tiên quyết: Không.*

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- 1) Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành phần mềm
- 2) Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông, trực tuyến
- 3) Hướng dẫn thực tập tại cơ sở.

2. Phương pháp học tập

- 1) Đọc tài liệu ở nhà trước khi đến cơ sở thực tập
- 2) Nghe giảng tại cơ sở thực tập, nghe giảng trực tuyến
- 3) Thực hiện phần mềm chuyên ngành tại cơ sở thực tập

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự thực tập đầy đủ tại cơ sở thực tập.
- Chuẩn bị cho thực tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu tham khảo, tham gia tập huấn trước khi đến cơ sở thực tập.
- Thực tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự tất cả các buổi thực tập tại cơ sở theo quy định.
- Thực hành: Tất cả sinh viên phải hoàn thành các bài tập thực hành tại cơ sở.
- Thi cuối kỳ: Một bài thi cuối kỳ theo hình thức vấn đáp.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Rubric 1. Tham dự thực tập tại cơ sở	K11, K12	10	Theo kế hoạch
Rubric 2: Đánh giá của cơ sở thực tập	K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10,	20	Kết thúc đợt thực tập
Rubric 3: Đánh giá thuyết trình	K1, K2, K5	20	Kết thúc đợt thực tập
Rubric 4. Đánh giá báo cáo thu hoạch	K1, K2, K3, K10	50	Kết thúc đợt thực tập

CÁC RUBRIC ĐÁNH GIÁ
Rubric 1: Tham dự thực tập tại cơ sở (10%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Tham gia các hoạt động chuyên môn.	50	Rất tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Có tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Ít tham gia các hoạt động chuyên môn tại cơ sở
Chủ động tự học tập và nghiên cứu	50	Rất tích cực tự học tập, nghiên cứu	Tích cực tự học tập, nghiên cứu	Thỉnh thoảng tự học, nghiên cứu	Ít khi tự học, nghiên cứu

Rubric 2: Đánh giá cơ sở thực tập (20%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Tinh thần, thái độ kỷ luật	30	Chấp hành tốt nội quy, quy chế	Chấp hành tương đối tốt nội quy, quy chế	Chấp hành nội quy, quy chế	Vi phạm nội quy, quy chế
Khả năng chuyên môn, nghiệp vụ	50	Chủ động, sáng tạo, hướng dẫn người khác thực hiện tốt nghiệp vụ chuyên môn	Chủ động, sáng tạo, thực hiện tốt nghiệp vụ chuyên môn	Thực hiện tốt các nghiệp vụ chuyên môn	Không thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ chuyên môn
Kết quả công việc	20	Hoàn thành tốt công việc được giao	Hoàn thành mức độ khá công việc được giao	Hoàn thành công việc được giao	Không hoàn thành công việc được giao.

Rubric 3: Đánh giá thuyết trình (20%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Kỹ năng trình bày	50	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục, đúng thời gian quy định	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục, đúng thời gian quy định	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng, đúng thời gian quy định	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng, quá thời gian quy định
Trả lời câu hỏi	50	Các câu hỏi đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi

Rubric 4: Đánh giá báo cáo thu hoạch (50%)

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Nội dung	Đặt vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Phương pháp nghiên cứu	20	Trình bày phương pháp rõ ràng, đầy đủ	Trình bày phương pháp đầy đủ	Trình bày phương pháp tương đối đầy đủ	Trình bày thiếu phương pháp chính
	Kết quả nghiên cứu	50	Trình bày rõ ràng, sản phẩm đầy đủ theo đề cương.	Trình bày rõ ràng, sản phẩm khá đầy đủ theo đề cương.	Sản phẩm không đầy đủ theo đề cương	Không có sản phẩm thực tập.
	Kết luận	10	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat, lỗi chính tả...)		10	Theo đúng quy định, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về hình thức	Nhiều sai sót về hình thức	Câu thả, nhiều lỗi, không đúng quy định

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự thực tập: Không tham dự thực tập hoặc nghỉ quá thời gian quy định sẽ không được dự thi cuối kỳ.

Yêu cầu về đạo đức: Có hành vi chuẩn mực về tuân thủ pháp luật, tôn trọng văn hóa của tổ chức, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

- Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung (2020). Giáo trình Bản đồ địa chính – NXB Nông nghiệp.
- Đỗ Thị Đức Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hương, Vũ Thanh Biển (2023), Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai.
- Đỗ Thị Đức Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hương (2023), Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai
- Lê Thị Giang, Nguyễn Đình Công, Trần Quốc Vinh (2017). Giáo trình Cơ sở dữ liệu đất đai – NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Chu Văn Thỉnh và cs. (2020). Quy hoạch sử dụng đất. NXB Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam, Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo khác:**

- Đoàn Công Quỳ và cs. (2006). Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2013). Luật số 45/2013/QH13 Luật Đất đai. Hà Nội.

3. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2017). Luật số 21/2017/QH14 Luật Quy hoạch. Hà Nội.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1	Nội dung 1: Chuẩn bị nội dung thực tập A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: Tập huấn nội dung thực tập nghề nghiệp	K1, K2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) Xây dựng đề cương thực tập nghề nghiệp	K1, K2
1-6	Nội dung 2: Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp A/Tóm tắt các nội dung chính thực tập nghề nghiệp (175 tiết) Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp theo đề cương thực tập nghề nghiệp tại địa phương, doanh nghiệp.	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (525 tiết) Tổng hợp tài liệu, xử lý số liệu, viết báo cáo	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Cơ sở thực tập: Có phòng làm việc cho sinh viên tại cơ sở thực tập, phòng họp, làm việc nhóm
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Phần mềm MSTeam giảng dạy trực tuyến, máy tính, máy chiếu, phấn, bảng, bút chì, loa, micro.
- E-learning

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TS. Phạm Văn Cường

PGS.TS. Trần Trọng Phương

PGS.TS. Trần Quốc Vinh

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Quốc Vinh	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0906869368
Email: tqvinh@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/he-thong-thong-tin-dat-dai
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Đỗ Văn Nhạ	Học hàm, học vị: PGS. Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0353383368
Email: dovannha@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quy-hoach-dat-dai
Cách liên lạc với giảng viên	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Nguyễn Văn Quân	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912815496
Email: nvquan@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai
Cách liên lạc với giảng viên	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

Họ và tên: Trần Trọng Phương	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0989885868
Email: ttphuong@vnua.edu.vn	Trang web: https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/trac-dia
Cách liên lạc với giảng viên	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

Lần 1- (7/2018): (1) Chính sửa KQHTMD của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT. CTĐT ngành QLĐĐ có 18 CDR cho 3 chuyên ngành: Quản lý đất đai, Quản lý bất động sản, Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

(2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá (bổ sung thêm Rubric).

Lần 2- (7/2019): (1) Cập nhật KQHTMD của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT (IPRM). CDR của CTĐT ngành QLĐĐ có 12 CDR.

(2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá;

Lần 3-5 (7/2020-7/2022): Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy (kết hợp giảng dạy online), phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

Lần 6 (2023): Chính sửa CDR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT.

CTĐT ngành QLĐĐ có 9 CDR, 1 chuyên ngành Quản lý đất đai. Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.